

**KẾ HOẠCH**

**Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp,  
ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2022 trên địa bàn xã Nhật Quang**

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo;

Thực hiện Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 28/3/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Phù Cừ về việc rà soát hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2022 trên địa bàn huyện.

Ủy ban nhân dân xã Nhật Quang ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2022 trên địa bàn xã như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

a) Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên nhằm xác định và lập bổ sung danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 (nếu có) để thực hiện kịp thời các chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội năm 2022 và cập nhật các hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo trên địa bàn xã (nếu có).

b) Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ nhằm xác định, lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 và thống kê tổng hợp chính xác số hộ nghèo, hộ cận nghèo, từng nhóm đối tượng nghèo làm căn cứ xây dựng, thực hiện các chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội năm 2023. Dự kiến tỷ lệ hộ nghèo là 3,18%, hộ cận nghèo là 4,91 % (Có phụ lục kèm theo).

c) Xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình nhằm thống kê và lập được danh sách hộ gia đình làm nông nghiệp, ngư nghiệp

có mức sống trung bình trên địa bàn xã, làm căn cứ xác định đối tượng để ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế theo Luật Bảo hiểm y tế.

d) Thiết lập cơ sở dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo, cập nhập phần mềm quản lý đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng và quản lý (nếu có).

## **2. Yêu cầu**

Việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn xã đảm bảo chính xác, dân chủ, công khai, công bằng, đúng quy trình và thời gian quy định, có sự tham gia của các cấp, các ngành liên quan và của người dân; đảm bảo đúng đối tượng, không bỏ sót và phản ánh đúng thực trạng đời sống của nhân dân.

## **II. TIÊU CHÍ, QUY TRÌNH**

### **1. Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo**

a) **Tiêu chí:** Thực hiện theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 (sau đây viết tắt là *Nghị định số 07/2021/NĐ-CP*).

#### **b) Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo**

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP

##### **Chuẩn hộ nghèo:**

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

##### **Chuẩn hộ cận nghèo:**

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

#### **c) Quy trình:**

**Quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên:** Thực hiện theo quy định tại Điều 5, Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 (sau đây viết tắt là *Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg*).

**Quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ:** Thực hiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.

### **2. Xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình**

a) **Tiêu chí:** Thực hiện theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.

## **b) Chuẩn hộ có mức sống trung bình**

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng.

**c) Quy trình:** Thực hiện theo quy định tại Điều 6, Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.

## **III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, PHƯƠNG PHÁP, THỜI GIAN**

### **1. Đối tượng**

**a) Đối với rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo thường xuyên:** Hộ gia đình có giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; Hộ gia đình thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân xã đang quản lý tại thời điểm rà soát có giấy đề nghị công nhận thoát nghèo, thoát cận nghèo.

**b) Đối với rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ:** Hộ gia đình có giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; Hộ gia đình thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân xã đang quản lý tại thời điểm rà soát.

**c) Đối với xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình:** Hộ gia đình làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp, ngư nghiệp có giấy đề nghị xác nhận hộ có mức sống trung bình trên địa bàn xã.

**2. Phạm vi:** Thực hiện tại 03 thôn trên địa bàn xã.

### **3. Phương pháp**

**a) Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo:** Thực hiện rà soát thông qua phương pháp khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo đảm bảo phù hợp với chuẩn nghèo quy định tại Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg, Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo (sau đây viết tắt là *Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH*).

**b) Xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình:** Thực hiện xác định thu nhập của hộ gia đình trong vòng 12 tháng trước thời điểm rà soát, không tính khoản trợ cấp hoặc trợ giúp xã hội từ ngân sách nhà nước vào thu nhập của hộ gia đình theo quy định tại Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg, Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH.

### **4. Thời gian:**

**a) Đối với rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên:** Tổ chức rà soát mỗi tháng 01 lần, thực hiện từ ngày 15 hằng tháng, kết thúc vào ngày 31/8/2022 (*Chỉ tổ chức rà soát nếu trong tháng có giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc hộ đề nghị công nhận thoát nghèo, thoát cận nghèo*).

**b) Đối với rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ:** Tổ chức rà soát 01 lần/năm, thực hiện từ 01/9/2022 đến hết ngày 14/12/2022.

**c) Đối với xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình:** Tổ chức xác định mỗi tháng 01 lần, thực hiện từ ngày 15 hằng tháng (*Chỉ tổ chức xác định nếu trong tháng có giấy đề nghị xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình*).

#### **IV. NỘI DUNG THỰC HIỆN**

##### **1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo**

a) UBND xã thành lập Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 theo quy định Điểm a Khoản 2 và Điểm a Khoản 3 Điều 10 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.

b) Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo chỉ đạo tổ chức thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình đảm bảo thông suốt, thống nhất, hiệu quả, hiệu lực; Công chức VHXH (theo dõi Lao động - Thương binh và Xã hội) xã là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo xã.

##### **2. Truyền thông, nâng cao nhận thức**

a) Tiếp tục đẩy mạnh truyền thông, nâng cao nhận thức của các ban ngành đoàn thể và người dân về chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.

b) Thực hiện thông tin tuyên truyền rộng rãi mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình bằng nhiều hình thức: băng rôn, tờ rơi, tài liệu, trên các phương tiện thông tin đại chúng...tới nhân dân để người dân biết, tham gia thực hiện.

**3. Quy trình thực hiện** (*Thực hiện theo Hướng dẫn số 900/HD-LĐTBXH ngày 25/3/2022 của Sở Lao động – Thương binh & Xã hội tỉnh Hưng Yên gửi kèm*).

##### **4. Nâng cao năng lực quản lý, kiểm tra, giám sát, phúc tra**

a) Phối hợp với Phòng Lao động-TB&XH huyện hướng dẫn, tập huấn quy trình, bộ công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình cho thành viên Ban Chỉ đạo xã, tổ rà soát các thôn.

b) Thực hiện kiểm tra, giám sát, phúc tra (*nếu có*) kịp thời, đúng quy trình, quy định, đảm bảo khoa học, khách quan, dân chủ.

c) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã giám sát việc thực hiện quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn xã đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng, tránh trục lợi chính sách.

##### **5. Báo cáo và phê duyệt kết quả**

### **a) Phê duyệt kết quả:**

- Đối với rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên:

Chủ tịch UBND xã ban hành quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo năm 2021, trình UBND huyện phê duyệt bổ sung kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 trên địa bàn xã theo quy định.

- Đối với rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ:

Chủ tịch UBND xã tiếp thu ý kiến của Chủ tịch UBND huyện, ban hành quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo năm 2022 trên địa bàn theo quy định. Trình UBND huyện phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 trên địa bàn theo quy định.

### **b) Chế độ báo cáo**

- Đối với rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên:

Trước ngày 05 hằng tháng (*từ tháng 02 đến tháng 9*), Chủ tịch UBND xã tổng hợp, báo cáo UBND huyện kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên trên địa bàn (*qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội - nếu có*).

- Đối với rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ:

+ Trước ngày 31/10/2022, Chủ tịch UBND xã tổng hợp, báo cáo sơ bộ kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo với UBND huyện (*qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội*);

+ Trước ngày 15/11/2022, Chủ tịch UBND xã tổng hợp, báo cáo chính thức kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo với UBND huyện (*qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội*).

- Đối với xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình:

+ Trước ngày 05 hằng tháng, Chủ tịch UBND xã tổng hợp, báo cáo kết quả hằng tháng với UBND huyện (*qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội - nếu có*).

+ Trước ngày 15/11/2022, Chủ tịch UBND xã tổng hợp, báo cáo kết quả năm với UBND huyện (*qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội*).

## **V. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

1. Kinh phí tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 do ngân sách tỉnh đảm bảo và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Kinh phí xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2022 do ngân sách xã đảm bảo và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Ban Chỉ đạo rà soát xã: Chỉ đạo, tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2022 trên địa bàn xã; theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện.

2. Công chức Văn hóa – Xã hội (theo dõi Lao động – TB&XH):

a) Tham mưu, hướng dẫn thực hiện quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên; rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ; xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn xã.

b) Tiếp nhận, cấp phát phiếu, tài liệu hướng dẫn phục vụ công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình cho các thôn.

c) Tham gia tập huấn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình đảm bảo hiệu quả, đúng quy định.

d) Phối hợp với Công chức Văn hóa – Xã hội, Đài truyền thanh xã tổ chức tuyên truyền rộng rãi mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2022.

đ) Xây dựng kế hoạch và tham mưu UBND xã tổ chức kiểm tra, phúc tra (nếu có).

e) Tổng hợp kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trình Chủ tịch UBND xã phê duyệt; báo cáo UBND huyện, Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội theo quy định.

g) Tổng hợp kết quả xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình báo cáo Đảng ủy - UBND xã, UBND huyện, Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội theo quy định.

h) Hướng dẫn, đôn đốc các thôn thu thập thông tin hộ nghèo, hộ cận nghèo để kịp thời cập nhật sổ theo dõi quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (nếu có).

3. Các ngành, đoàn thể, công chức chuyên môn có liên quan: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phối hợp Công chức Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai thực hiện nội dung Kế hoạch này đảm bảo hiệu quả, đúng quy định.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức thành viên: tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giám sát việc thực hiện quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn xã.

5. Các thôn

a) Tham mưu UBND xã thành lập tổ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn thôn.

b) Tổ chức triển khai, thực hiện công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, cận nghèo, xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình đảm bảo hiệu quả, đúng quy trình, thời gian quy định.

c) Thực hiện việc tổng hợp, kết quả rà soát hộ nghèo, cận nghèo, xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn thôn mình báo cáo Ban chỉ đạo xã. Phối hợp chặt chẽ với Công chức LĐTĐXH xã để thực hiện giải quyết các ý kiến, kiến nghị của nhân dân trong quá trình triển khai thực hiện.

Trên đây là Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ gia đình làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn xã Nhật Quang năm 2022, đề nghị các thành viên BCD rà soát xã, các tổ điều tra các thôn bám sát vào quy trình, quy định để chỉ đạo triển khai thực hiện cuộc điều tra, rà soát, đảm bảo đúng tiến độ thời gian và đạt kết quả cao. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phản ánh kịp thời về UBND xã (qua công chức Lao động – TB&XH) để tổng hợp báo cáo UBND xã xem xét, giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- UBND huyện;
- Phòng Lao động – TB&XH huyện;
- TT Đảng ủy – HĐND - UBND – UBMTTQ xã;
- Thành viên BCD rà soát xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT.CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lưu Đình Thiêng**

**PHỤ LỤC**  
**DỰ KIẾN TỶ LỆ HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO XÃ NHẬT QUANG NĂM 2022**  
*(Kèm theo Kế hoạch số 33./KH-UBND ngày 05/4/2022 của UBND xã)*

| STT            | Thôn      | Tổng số hộ dân cư năm 2022 (hộ) | Kết quả điều tra năm 2021 |             |              |             | Dự kiến cuối năm 2022 |             |              |             |
|----------------|-----------|---------------------------------|---------------------------|-------------|--------------|-------------|-----------------------|-------------|--------------|-------------|
|                |           |                                 | Hộ nghèo                  |             | Hộ cận nghèo |             | Hộ nghèo              |             | Hộ cận nghèo |             |
|                |           |                                 | Tổng số hộ                | Tỷ lệ (%)   | Tổng số hộ   | Tỷ lệ (%)   | Tổng số hộ            | Tỷ lệ (%)   | Tổng số hộ   | Tỷ lệ (%)   |
| 1              | Nhật Lệ   | 719                             | 35                        | 4,87        | 47           | 6,54        | 23                    | 3,20        | 35           | 4,87        |
| 2              | Quang Yên | 575                             | 28                        | 4,86        | 35           | 6,08        | 18                    | 3,13        | 28           | 4,87        |
| 3              | Tân An    | 437                             | 17                        | 4,11        | 31           | 7,49        | 14                    | 3,20        | 22           | 5,03        |
| <b>Toàn xã</b> |           | <b>1.731</b>                    | <b>80</b>                 | <b>4,68</b> | <b>113</b>   | <b>6,61</b> | <b>55</b>             | <b>3,18</b> | <b>85</b>    | <b>4,91</b> |